

## Bài 64

# TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH TOÀN CẤP

### I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, học sinh phải :

- Hệ thống hoá được các kiến thức sinh học cơ bản của toàn cấp THCS.
- Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.
- Tiếp tục rèn luyện kĩ năng tư duy lí luận, trong đó chủ yếu là kĩ năng so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá.

## II – GỢI Ý TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

- Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động học tập dựa vào bảng mẫu trong SGK, tất nhiên học sinh đã được giao nhiệm vụ thực hiện trước ở nhà.
- Học sinh trao đổi với nhau dưới sự điều hành và trợ giúp của giáo viên để thống nhất ý kiến trước khi điền chính thức vào bảng ghi trong vở học tập.
- Để buổi ôn tập đảm bảo được quỹ thời gian và có hiệu quả tốt giáo viên yêu cầu học sinh phải chuẩn bị trước ở nhà một cách kĩ lưỡng.

## III – HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC QUA CÁC BẢNG

### 1. Đa dạng sinh học

**Bảng 64.1. Đặc điểm chung và vai trò của các nhóm sinh vật (SV)**

Các nhóm SV	Đặc điểm chung	Vai trò
Virut	<ul style="list-style-type: none"><li>– Kích thước rất nhỏ (12 – 50 phần triệu milimet).</li><li>– Chưa có cấu tạo tế bào, chưa phải là dạng cơ thể điển hình, kí sinh bắt buộc.</li></ul>	Khí kí sinh, thường gây bệnh.
Vi khuẩn	<ul style="list-style-type: none"><li>– Kích thước nhỏ bé (1 đến vài phần nghìn milimet).</li><li>– Có cấu trúc tế bào nhưng chưa có nhân hoàn chỉnh.</li><li>– Sống hoại sinh hoặc kí sinh (trừ một số ít tự dưỡng).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Trong thiên nhiên và đời sống con người : phân huỷ chất hữu cơ, được ứng dụng trong công, nông nghiệp.</li><li>– Gây bệnh cho sinh vật khác và ô nhiễm môi trường.</li></ul>
Nấm	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cơ thể gồm những sợi không màu, một số ít là đơn bào (nấm men), có cơ quan sinh sản là mũ nấm, sinh sản chủ yếu bằng bào tử.</li><li>– Sống dị dưỡng (kí sinh hoặc hoại sinh).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ, dùng làm thuốc, thức ăn hay chế biến thực phẩm.</li><li>– Gây bệnh hay độc hại cho sinh vật khác.</li></ul>
Thực vật	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cơ thể gồm cơ quan sinh dưỡng (thân, rễ, lá) và sinh sản (hoa, quả, hạt).</li><li>– Sống tự dưỡng (tự tổng hợp chất hữu cơ).</li><li>– Phần lớn không có khả năng di động.</li><li>– Phản ứng chậm với các kích thích từ bên ngoài.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cân bằng khí ôxi và cacbonic, điều hoà khí hậu.</li><li>– Cung cấp nguồn dinh dưỡng, khí thở, chỗ ở... và bảo vệ môi trường sống cho các SV khác.</li></ul>

Các nhóm SV	Đặc điểm chung	Vai trò
Động vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ thể bao gồm nhiều hệ cơ quan và cơ quan : vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, sinh sản...</li> <li>- Sống dị dưỡng.</li> <li>- Có khả năng di chuyển.</li> <li>- Phản ứng nhanh với các kích thích từ bên ngoài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp nguồn dinh dưỡng, nguyên liệu và được dùng vào việc nghiên cứu và hỗ trợ cho người.</li> <li>- Gây bệnh hay truyền bệnh cho người.</li> </ul>

**Bảng 64.2. Đặc điểm của các nhóm thực vật (TV)**

Các nhóm TV	Đặc điểm
Tảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là TV bậc thấp, gồm thể đơn bào và đa bào, tế bào có diệp lục, chưa có rễ, thân, lá thật sự.</li> <li>- Sinh sản sinh dưỡng và hữu tính, hầu hết sống ở nước.</li> </ul>
Rêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là TV bậc cao, có thân, lá cấu tạo đơn giản, chưa có rễ chính thức, chưa có hoa.</li> <li>- Sinh sản bằng bào tử, là TV sống ở cạn đầu tiên nhưng chỉ phát triển được ở môi trường ẩm ướt.</li> </ul>
Quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điển hình là dương xỉ, có rễ, thân, lá thật và có mạch dẫn.</li> <li>- Sinh sản bằng bào tử.</li> </ul>
Hạt trần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điển hình là cây thông, có cấu tạo phức tạp : thân gỗ, có mạch dẫn.</li> <li>- Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các lá noãn hở, chưa có hoa và quả.</li> </ul>
Hạt kín	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan sinh dưỡng có nhiều dạng rễ, thân, lá, có mạch dẫn phát triển.</li> <li>- Có nhiều dạng hoa, quả (có chứa hạt).</li> </ul>

**Bảng 64.3. Đặc điểm của cây Một lá mầm và Hai lá mầm**

Đặc điểm	Cây Một lá mầm	Cây Hai lá mầm
- Số lá mầm	- Một	- Hai
- Kiểu rễ	- Rễ chùm	- Rễ cọc
- Kiểu gân lá	- Hình cung hoặc song song	- Hình mạng
- Số cánh hoa	- 6 hoặc 3	- 5 hoặc 4
- Kiểu thân	- Thân cỏ (chủ yếu)	- Thân gỗ, thân cỏ, thân leo...

**Bảng 64.4. Đặc điểm của các ngành động vật**

Ngành	Đặc điểm
Động vật nguyên sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Là thể đơn bào, phần lớn dị dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông hay roi bơi.</li> <li>– Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi, sống tự do hoặc kí sinh.</li> </ul>
Ruột khoang	Đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có 2 lớp tế bào, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, có nhiều dạng sống ở biển nhiệt đới.
Giun dẹp	Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và phân biệt đầu đuôi, lưng bụng, ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn. Sống tự do hoặc kí sinh.
Giun tròn	Cơ thể hình trụ thường thuôn hai đầu, có khoang cơ thể chưa chính thức. Cơ quan tiêu hoá dài từ miệng đến hậu môn. Phần lớn sống kí sinh, một số ít sống tự do.
Giun đốt	Cơ thể phân đốt, có thể xoang ; ống tiêu hoá phân hoá ; bắt đầu có hệ tuần hoàn ; di chuyển nhờ chi bên, tơ hay hệ cơ ; hô hấp qua da hay mang.
Thân mềm	Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi, có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và cơ quan di chuyển thường đơn giản.
Chân khớp	Có số loài lớn, chiếm tới 2/3 số loài động vật, có 3 lớp lớn : giáp xác, hình nhện, sâu bọ. Các phần phụ phân đốt và khớp động với nhau, có bộ xương ngoài bằng kitin.
Động vật có xương sống	Có các lớp chủ yếu : cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú, có bộ xương trong, trong đó có cột sống (chứa tuỷ sống), các hệ cơ quan phân hoá và phát triển, đặc biệt là hệ thần kinh.

**Bảng 64.5. Đặc điểm của các lớp Động vật có xương sống**

Lớp	Đặc điểm
Cá	Sống hoàn toàn dưới nước, bơi bằng vây, hô hấp bằng mang, có 1 vòng tuần hoàn, tim 2 ngăn chứa máu đỏ thẫm, thụ tinh ngoài, là động vật biến nhiệt.
Lưỡng cư	Sống ở nước và cạn, da trần và ẩm ướt, di chuyển bằng bốn chi, hô hấp bằng phổi và da, có 2 vòng tuần hoàn, tim 3 ngăn, tâm thất chứa máu pha, thụ tinh ngoài, sinh sản trong nước, nòng nọc phát triển qua biến thái, là động vật biến nhiệt.
Bò sát	Chủ yếu sống ở cạn, da và vảy sừng khô, cổ dài, phổi có nhiều vách ngăn, tim có vách hụt ngăn tâm thất (trừ cá sấu) máu nuôi cơ thể là máu pha, có cơ quan giao phối, thụ tinh trong ; trứng có màng dai hoặc có đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng, là động vật biến nhiệt.
Chim	Mình có lông vũ bao phủ, chi trước biến thành cánh ; phổi có mạng ống khí, có túi tham gia vào hô hấp ; tim có 4 ngăn, máu tươi nuôi cơ thể ; trứng lớn có đá vôi, được ấp nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ ; là động vật hằng nhiệt.
Thú	Mình có lông mao bao phủ ; răng phân hoá thành răng nanh, răng cửa, răng hàm ; tim 4 ngăn ; bộ não phát triển, đặc biệt ở bán cầu não và tiểu não, có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa mẹ ; là động vật hằng nhiệt.

## 2. Tiến hoá của thực vật và động vật

– Dựa vào hình 44.1 trang 142 SGK Sinh học 6 để điền các số tương ứng vào hình 64 SGK SH9.

Có thể học sinh không còn giữ SGK Sinh học 6, 7, do đó giáo viên nên trợ giúp giải đáp sơ đồ trên.

– Ghép đôi bảng 64.6 SGK như sau :

1–d ; 2–b ; 3–a ; 4–e ; 5–c ; 6–i ; 7–g ; 8–h